

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 08 tháng 04 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,000	278	5,560,000
Được chi trong ngày					5,560,000
Đã chi trong ngày					5,560,000
1. Dịch vụ					417,000
1	chất đốt		1,500	278	417,000
2			0	81	0
2. Kho					775,250
 Ăn chính					775,250
1	Gạo tẻ	Kg	15,500	23.1	358,050
2	Dầu lạc	Kg	120,000	1.4	168,000
3	Đường kính	Kg	32,500	2	65,000
4	Nước mắm cá loại I	Chai	74,000	0.5	37,000
5	Bột canh	Gói	4,000	2	8,000
6	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	62,000	0.6	37,200
7	Dầu simply	Lít	68,000	1.5	102,000
3. Đi chợ					4,367,750
 Ăn chính					4,367,750
1	Bí đao (bí xanh)	Kg	18,000	15	270,000
2	Cà chua	Kg	15,000	3	45,000
3	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	20,000	3	60,000
4	Hành củ tươi	Kg	35,000	0.2	7,000
5	Thịt bò loại I	Kg	240,000	2.5	600,000
6	Tôm biển	Kg	170,000	8	1,360,000
7	Đậu Phụ	Kg	25,000	10	250,000
8	Lá chanh	Kg	1,000	0.75	750
9	Hành lá	Kg	35,000	1	35,000
10	Thịt lợn nạc	Kg	130,000	2	260,000
11	Bầu xanh	Kg	15,000	6	90,000
12	Sữa chua	Ổng	5,000	278	1,390,000
Chênh lệch cuối ngày					0

Kế toán

Vũ Thị Na

Phó hiệu trưởng

Ngô Thị Phương Thảo